

Bản án số: **11/2019/HS-PT**
Ngày: 16-01-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Thiện**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Hữu Thịnh**

Ông **Đinh Văn Long**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Mỹ Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Trương Thị Minh Hậu** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 16 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số **274/2018/HS-PT** ngày 07 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo **Nguyễn Tấn V**. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số **56/2018/HS-ST** ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Nam.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Tấn V** (tên gọi khác: C), sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam, trình độ văn hóa: 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: không; Con ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1957 và bà Võ Thị T, sinh năm 1958, tiền sự: không,

Tiền án:

+ Ngày 24/01/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố K xử phạt 36 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 (*Sửa đổi, bổ sung năm 2009*). Ngày 24/4/2016 chấp hành xong bản án.

+ Năm 2006 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 24 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”;

+ Năm 2009 bị Tòa án nhân dân thành phố K xử phạt 36 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Nhân thân: Năm 2002 bị đưa vào trường giáo dưỡng;

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 05/7/2018, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Tấn V và chị Huỳnh Thị Mỹ P trước đây có quan hệ là vợ chồng, sau đó ly hôn. Đầu năm 2018 chị P đi làm và thuê phòng trọ của ông Trần P, trú tại thôn M, xã B, thị xã B, để ở. Do còn tình cảm và muốn quay lại sống chung nên vào sáng ngày 01/3/2018 bị cáo V chạy xe máy đi tìm chị P. Cùng thời điểm này có anh Nguyễn Văn H trú tại khối G, phường D, thị xã B, đến phòng trọ chị P chơi. Đến khoảng 12 giờ 45 phút cùng ngày khi chạy ngang khu phòng trọ của ông P thì bị cáo V nhìn thấy xe máy của chị P. Lúc này bị cáo V lấy điện thoại gọi nhưng chị P không bắt máy, bị cáo V để xe ngoài đường rồi đi bộ vào tìm phòng chị P. Vào đến phòng trọ bị cáo V nhìn thấy anh H nằm trên giường chơi điện tử trên điện thoại di động còn chị P ngồi gần đó. Bị cáo V quay ra ngoài đổi sim điện thoại gọi nhưng chị P vẫn không bắt máy nên bực tức đi vào lại. Lúc này bị cáo V thấy một con dao (loại dao Thái Lan có cán dài khoảng 7 - 10cm, lưỡi dao dài khoảng 15 - 20 cm, bản rộng khoảng 3 - 4cm) ở trước phòng trọ của chị P nên lấy lặn vào tay áo khoát rồi bước vào. Thấy bị cáo V chị P hỏi “ông đi đâu đó?”, bị cáo V không trả lời mà hỏi chị P “ai đó?”, thì chị P trả lời “tôi với ông kết thúc rồi ông không có quyền hỏi tôi câu đó, cho dù có là bồ tôi thì ông cũng không có quyền gì”. Bị cáo V nhìn anh H nói “còn mi thì răng?” thì anh H trả lời “đâu vào đây nằm chơi cho vui”. Nghe vậy bị cáo V lấy con dao thủ sẵn trong người cầm bằng tay phải xông đến đâm anh H theo hướng từ trên xuống dưới, anh H đưa tay lên đỡ thì trúng cẳng tay trái, lúc này anh H vùng chân đạp bị cáo V thì bị cáo V tiếp tục dùng dao đâm trúng đùi trái anh H, chị P chạy đến ôm bị cáo V kéo ra và hô hoán để anh H bỏ chạy. Thấy vậy bị cáo V bỏ đi còn anh H được đưa đi cấp cứu, điều trị.

Tại Bản giám định thương tích số 107/GĐTT.18 ngày 22/3/2018, của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Quảng Nam thì tỷ lệ thương tích của anh Nguyễn Văn H là 12%. Trong đó: Cẳng tay trái có vết rách da, cơ và xát da từ mặt trước ngoài đoạn 1/3 trên chạy xuống dưới ra mặt sau ngoài đoạn 1/3 giữa cẳng tay đã lành sẹo dài 12,5cm, chỗ rộng nhất 0,4cm. Tỷ lệ 04%. Mặt sau ngoài đoạn 1/3 giữa đùi trái có vết rách da, cơ đã lành để lại sẹo lồi thâm dài 6,5cm, rộng 0,3cm. Tỷ lệ 06%. Mặt ngoài đoạn 1/3 trên đùi trái có vết thủng da và cơ đã lành sẹo dài 0,5cm, rộng 0,1cm. Tỷ lệ 01%. Mặt ngoài gối trái có vết rách da đã lành sẹo dài 1,5cm, rộng 0,2cm. Tỷ lệ 01%.

Quá trình điều tra bị cáo V khai nhận đâm anh Nguyễn Văn H hai nhát, một nhát trúng vào cẳng tay trái, một nhát trúng vào đùi trái phù hợp với tóm tắt bệnh án số 18.005618 của Bệnh viện Đa khoa Đ. Qua xác minh ngoài hai vết thương như trong bệnh án không ghi nhận vết thương nào khác khi cấp cứu cho anh H. Ngoài ra, anh Nguyễn Văn H cũng khai nhận bị cáo V dùng dao đâm anh hai nhát. Do đó không đủ cơ sở chứng minh thương tích 01% ở mặt ngoài đoạn 1/3 trên đùi trái và 01% ở mặt ngoài gối trái của anh Nguyễn Văn H là do bị cáo V gây ra.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số 56/2018/HS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã B đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tấn V phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 134, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*Sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Tấn V 03 (Ba)** năm **06 (Sáu)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 05/7/2018.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 05-11-2018, bị cáo Nguyễn Tấn V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Hành vi dùng con dao Thái lan đâm bị hại Nguyễn Văn H gây thương tích 10 %, nên bị Tòa án cấp sơ thẩm kết án và xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn V **03 (Ba)** năm **06 (Sáu)** tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm d khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, không phát sinh thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và trong hạn luật định theo đúng quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 nên kháng cáo của bị cáo là hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Tấn V khai nhận: Vào trưa ngày 01 tháng 3 năm 2018, bị cáo dùng con dao Thái Lan đâm anh Nguyễn Văn H gây thương tích tại khu nhà trọ cho thuê của ông Trần P ở thôn M, xã B, thị xã B, tỉnh Quảng Nam.

[2.2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, sơ đồ hiện trường, kết luận giám định thương tích và các tài liệu, chứng cứ được chứng minh có tại hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Mặc dầu giữa bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn gì nhưng bị cáo đã dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ 10%, nên bản án hình sự sơ thẩm số 56/2018/HSST ngày 30-10-2018 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Nam đã kết án bị cáo Nguyễn Tấn V về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3] Xét kháng cáo của bị cáo về phần hình phạt thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Tấn V, để làm căn cứ xử phạt bị cáo **03 (Ba)** năm **06 (Sáu)** tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” là có căn cứ, đúng pháp luật; Bị cáo có nhân thân xấu và có 03 (ba) tiền án, năm 2006 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 24 tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”; năm 2009 bị Tòa án nhân dân thành phố K xử phạt 36 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*”. Vào năm 2014 bị Tòa án nhân dân thành phố K xử phạt 36 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*”; Vì vậy, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*” quy định điểm d khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*), nên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, không nặng, đảm bảo tính răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về xin giảm nhẹ hình phạt, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tấn V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 134, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*Sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Tấn V 03 (Ba)** năm **06 (Sáu)** tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 05/7/2018.

Bị cáo Nguyễn Tấn V phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 16-01-2019.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành TT;
- Người tham gia TT;
- Phòng PV 27 CA Q.Nam;
- P.HSNV Sở tư pháp Q Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Thiện